

Số: /2021/QĐ-UBND
DỰ THẢO

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số .../TTr-SKHĐT ngày tháng năm 2021 về việc quy định thẩm quyền quyết định đầu tư dự án, thẩm định dự án đầu tư, quyết định duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quyết định quy định về thẩm quyền quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công thì không thực hiện theo Quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, thẩm định dự án đầu

tư, quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Vốn đầu tư công: vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Thẩm quyền quyết định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (chi phí chuẩn bị dự án)

1. Đối với dự toán chi phí thuê tư vấn trong nước:

Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định được chủ đầu tư) tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt.

2. Đối với dự toán chi phí thuê tư vấn nước ngoài:

a) Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định được chủ đầu tư) tổ chức lập dự toán.

b) Người quyết định đầu tư phê duyệt dự toán trên cơ sở kết quả thẩm định dự toán của cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh được quy định tại khoản 4, Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đối với các dự án có cấu phần xây dựng, của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng; của cơ quan chuyên môn về xây dựng (Phòng Quản lý đô thị hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng) thuộc UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa (sau đây viết tắt là cấp huyện) đối với các dự án có cấu phần xây dựng, của Phòng Tài chính – Kế hoạch đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công cấp tỉnh:

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B do cấp tỉnh quản lý, trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo và các chương trình, dự án khác theo quy định của Chính phủ.

b) Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư dự án nhóm C.

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C do đơn vị mình quản lý.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công cấp huyện, cấp xã:

a) Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa (gọi chung là cấp huyện) và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) quyết định đầu tư các dự án đầu tư thuộc nhóm B, nhóm C (kể cả vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh, vốn xã hội hóa).

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C do đơn vị mình quản lý.

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định và trình tự thẩm định dự án đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng

1. Về thẩm quyền:

a) Đối với dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định và tổng hợp báo cáo trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư theo thẩm quyền.

b) Đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư: Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì thẩm định và tổng hợp báo cáo trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.

c) Đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư: Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì thẩm định và tổng hợp báo cáo gửi kết quả thẩm định đến Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

2. Về trình tự thực hiện:

a) Dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, C và gửi các Sở, ngành liên quan để lấy ý kiến thẩm định, tổ chức thẩm định nội dung thuộc thẩm quyền và tổng hợp kết quả trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc quyết định đầu tư theo thẩm quyền.

b) Dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư: Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện tiếp nhận hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm B, C và gửi các Phòng, ban liên quan để lấy ý kiến thẩm định, tổ chức thẩm định nội dung thuộc thẩm quyền và tổng hợp kết quả trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc gửi Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định và trình tự thẩm định dự án đầu tư đối với dự án có cấu phần xây dựng (bao gồm cả dự án phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình và dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại khoản 3, Điều 5, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)

1. Về thẩm quyền thẩm định của người quyết định đầu tư:

a) Đối với dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định và tổng hợp báo cáo trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc quyết định đầu tư theo thẩm quyền.

b) Đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư: Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì thẩm định và tổng hợp báo cáo trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.

c) Đối với Dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư: Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì thẩm định và tổng hợp báo cáo kết quả thẩm định gửi đến Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

2. Về thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

a) Dự án nhóm A do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư:

- Bộ Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị).

- Bộ Giao thông vận tải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định trên).

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Bộ Công Thương đối thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định trên).

b) Dự án nhóm B, C do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư:

- Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị).

- Sở Giao thông vận tải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định trên).

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Sở Công Thương thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định trên).

c) Dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư :

Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị cấp huyện tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình hoặc Báo cáo

kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình.

3. Về trình tự thực hiện:

a) Dự án nhóm A do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ dự án do chủ đầu tư trình thẩm định và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Gửi đầy đủ hồ sơ đến Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quyết định này để thực hiện và có Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng gửi chủ đầu tư. Lưu ý việc thực hiện thẩm định phải theo quy định tại khoản 15, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Gửi hồ sơ đến các đơn vị thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để có ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng gửi Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, chủ đầu tư.

- Thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được quy định tại khoản 5, Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, khoản 6, Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và tổng hợp báo cáo trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

b) Dự án nhóm B, C do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ dự án do chủ đầu tư trình thẩm định và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Gửi đầy đủ hồ sơ đến Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Quyết định này để thực hiện và có Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng gửi chủ đầu tư. Lưu ý việc thực hiện thẩm định phải theo quy định tại khoản 15, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Gửi hồ sơ đến các đơn vị thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để có ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng gửi Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, chủ đầu tư.

- Thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng được quy định tại khoản 5, Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, khoản 6, Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và tổng hợp báo cáo trình người quyết định đầu tư phê duyệt hoặc người được ủy quyền phê duyệt.

c) Dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư: Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện, đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ dự án do chủ đầu tư trình thẩm định và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Gửi đầy đủ hồ sơ đến Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 5 Quyết định này để thực hiện và có Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện, đồng gửi chủ đầu tư. Lưu ý việc thực hiện thẩm định phải theo quy định tại khoản 15, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Gửi hồ sơ đến các đơn vị thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để có ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch, đồng gửi Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị, chủ đầu tư.

- Thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng được quy định tại khoản 5, Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, khoản 6, Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và tổng hợp báo cáo trình người quyết định đầu tư (cấp huyện) hoặc gửi người quyết định đầu tư (cấp xã) phê duyệt.

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán hoặc thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tổ chức thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở làm cơ sở phê duyệt, trừ trường hợp người quyết định đầu tư có quy định khác tại quyết định đầu tư xây dựng. Việc phê duyệt chỉ được thực hiện trên cơ sở tổng hợp các nội dung liên quan và kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về đầu tư đối với dự án có cấu phần xây dựng hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

2. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tổ chức thẩm định dự toán chi phí các công việc chuẩn bị để lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở làm cơ sở phê duyệt. Trường hợp dự toán các chi phí này đã được phê duyệt trong tổng mức đầu tư xây dựng, chủ đầu tư xem xét quyết định việc chuẩn xác lại nếu cần thiết.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Đối với các dự án không có cấu phần xây dựng: Việc xác định phương án thiết kế dự án phải được chủ đầu tư xác định nội dung đảm bảo hiệu quả quản lý thực hiện dự án theo quy định của pháp luật chuyên ngành theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Luật Đầu tư công.

a) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn cấp tỉnh quản lý: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư và ý kiến thẩm định của các Sở, ngành liên quan.

b) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn cấp huyện, cấp xã quản lý: Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì thẩm định trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư

tư và ý kiến thẩm định của các Phòng thuộc cấp huyện liên quan.

2. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn cấp tỉnh quản lý: Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quyết định này chủ trì thẩm định trên cơ sở 01 bộ hồ sơ hoàn chỉnh của chủ đầu tư gửi đến theo quy định khoản 3, Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Dự án nhóm B, C sử dụng nguồn vốn cấp tỉnh quản lý: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Quyết định này chủ trì thẩm định trên cơ sở 01 bộ hồ sơ hoàn chỉnh của chủ đầu tư gửi đến theo quy định khoản 3, Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

c) Dự án nhóm B, C sử dụng nguồn vốn cấp huyện, cấp xã quản lý: Phòng Quản lý đô thị hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng chủ trì thẩm định trên cơ sở 01 bộ hồ sơ hoàn chỉnh của chủ đầu tư gửi đến theo quy định khoản 3, Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 8. Các vấn đề khác

1. Việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng của các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành bao gồm cả việc thẩm định về giá trị tổng mức vốn đầu tư.

2. Việc điều chỉnh dự án đầu tư: Thẩm quyền chủ trì thẩm định, quyết định đầu tư được quy định theo Điều 3, Điều 4, Điều 5 của Quyết định này. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án:

a) Tổ chức đánh giá toàn bộ tình hình thực hiện dự án đầu tư công đến thời điểm đề xuất điều chỉnh.

b) Tổ chức lập Báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án (Báo cáo điều chỉnh dự án đầu tư phải nêu rõ những lý do phải điều chỉnh; phân tích hiệu quả kinh tế xã hội và hiệu quả tài chính (nếu có) do việc điều chỉnh dự án mang lại).

c) Tổ chức thẩm định nội bộ việc điều chỉnh dự án, bao gồm thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong trường hợp có điều chỉnh tăng quy mô làm tăng tổng mức đầu tư.

4. Việc xử lý điều chỉnh thiết kế trong quá trình thực hiện dự án:

a) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn cấp tỉnh quản lý: Trong trường hợp việc điều chỉnh thiết kế dẫn đến phải điều chỉnh dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) thì giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh.

b) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn cấp huyện, cấp xã quản lý: Trong trường hợp việc điều chỉnh thiết kế dẫn đến phải điều chỉnh dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) thì giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND cấp huyện, cấp xã.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế

Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như khoản 2, Điều 9;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

Cao Tiến Dũng